

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HC-ST

Ngày: 02/02/2024

“V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Nga, ông Lê Ngọc Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 209/2023/TLST-HC ngày 06/11/2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HC ngày 15/01/2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: TDP 6A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Ngọc A, sinh năm 1995; địa chỉ: 27 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắc Lắc; địa chỉ: 01L, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại Th; C/v: Phó Chủ tịch UBND thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Văn C, C/v: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố (có đơn xin xét xử vắng mặt) và ông Võ Quang H, C/v: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là chủ sử dụng thửa đất số 02 và 50, tờ bản đồ số 40 tại phường T, thành phố B. Nguồn gốc đất: Năm 1998, bà B ký Hợp đồng liên kết trồng cây cà phê với Công ty Chăn nuôi Đăk Lăk diện tích là 6.700m², thời hạn 20 năm. Đến năm 2004, Công ty chăn nuôi phá sản nên các tài sản của Công ty Chăn nuôi đều bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk. Theo đó, bà Búp đã mua trúng đấu giá tài sản là 02 vườn cà phê (tương đương với 627 cây cà phê) chính là vườn cây cà phê mà bà Búp đang canh tác nêu trên. Đến ngày 20/11/2006, bà B chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất 01 vườn cà phê cho bà T với diện tích là 2000m².

Bà T đã canh tác trên đất kể từ thời điểm chuyển nhượng cho đến nay, không xảy ra tranh chấp với ai, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Diện tích đất theo đo đạc thực tế là 2.017,4m²; thuộc thửa đất số 02 và 50; tờ bản đồ số 40; vị trí đất: Vị trí 1, TDP 12, phường T, thành phố B.

Vừa qua bà T nhận được Quyết định số 9805/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND Tp.B “v/v phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng CSHT khu dân cư TDP 12, phường T, TP BMT (Khu chăn nuôi cũ 6,2ha – Đợt 2)”. Theo đó, bà T chỉ được bồi thường 76.355.300 đồng đối với vật kiến trúc và một số cây trồng trên đất, còn đối với diện tích 2.017,4m² là thuộc trường hợp đất không đủ điều kiện bồi thường căn cứ theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013 nên không được nhận chi phí đền bù về đất.

Quyết định số 9805/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân TP.B là trái với quy định của pháp luật bởi lẽ:

- Đối với bồi thường về đất: Phần diện tích đất 2.017,4m² có nguồn gốc là nhận giao khoán của Công ty chăn nuôi năm 1998, sau đó Công ty chăn nuôi phá sản thì bà B mua trúng đấu giá và chuyển nhượng cho bà T, bà T sử dụng ổn định đến nay. Như vậy, quá trình sử dụng lô đất nêu trên xuyên suốt từ năm 1998 cho đến nay, không tranh chấp với ai, không bị xử lý vi phạm. Căn cứ theo quy định tại điểm b, điểm e khoản 2 Điều 20 của Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk thì gia đình bà T được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định nhưng UBND thành phố lại không đưa các hạng mục này vào phương án bồi thường là xâm phạm quyền lợi của gia đình bà T.

Hiện nay trên đất có một số công trình kiến trúc như hàng rào móng gạch, tường xây gạch và cây trồng như bơ ghép, UBND thành phố B không bồi thường

vì cho rằng các tài sản này được hình thành sau khi có quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật đất đai 2013 thì chỉ không bồi thường đối với các tài sản gắn liền với đất được hình thành sau khi có Thông báo về việc thu hồi đất. Trong trường hợp này, người dân trực tiếp ở và canh tác trên đất nhưng lại không hề hay biết về việc thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk không được gửi cho gia đình bà T, không niêm yết tại trụ sở UBND phường. Việc không thông báo cho người sử dụng đất về việc thu hồi là lỗi từ phía UBND tỉnh Đắk Lắk và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Thời điểm bà T biết được Quyết định thu hồi đất trên là thời điểm Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B tiến hành kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất vào ngày 04/5/2021; tuy nhiên đến khoảng năm 2022 khi có thông báo nhận tiền thì bà T mới biết cụ thể Quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, UBND thành phố B phải bồi thường toàn bộ giá trị cây trồng và tài sản gắn liền với đất tính đến thời điểm gia đình bà T được biết về việc thu hồi đất.

- Các khoản hỗ trợ khác: Gia đình bà T đã tự nguyện bàn giao mặt bằng nhưng trong phương án không hỗ trợ chi phí bàn giao mặt bằng là thiếu sót, căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, UBND thành phố B thu hồi toàn bộ lô đất nêu trên nhưng không hỗ trợ về đất, bồi thường về cây cối, vật kiến trúc không đầy đủ, không hỗ trợ các khoản hỗ trợ theo quy định pháp luật là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà T.

Do đó, bà Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên: Hủy một phần Quyết định số 9850/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (Khu chăn nuôi cũ 6,2 – Đợt 2) đối với bà Nguyễn Thị T. Buộc UBND thành phố B thực hiện lại phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến diện tích đất thu hồi của gia đình bà T theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể: Bổ sung các khoản hỗ trợ về đất; bồi thường về cây trồng và vật kiến trúc hình thành sau khi có quyết định thu hồi đất đến nay, hỗ trợ chi phí bàn giao mặt bằng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

- Về nguồn gốc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T: Đất Nhà nước giao công ty chăn nuôi Đăk Lăk nay là Công ty chế biến nông sản thực phẩm Đăk Lăk. Năm 1998, bà Trần Thị B có ký hợp đồng liên kết trồng cà phê với công ty chăn nuôi Đăk Lăk với diện tích 6.700m² có thời hạn 20 năm kể từ năm 1998. Năm 2004, Công ty chăn nuôi Đăk Lăk phá sản. Ngày 23/5/2006, tại Công ty chế biến nông sản thực phẩm Đăk Lăk, Hội đồng bán đấu giá tài sản theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk, bà Trần Thị B có mua được tài sản bán đấu giá là 02 vườn cà phê liên kết bà B đang sử dụng (tương đương 627 cây). Đến ngày 20/11/2006, bà B sang nhượng lại 01 vườn cà phê trên với diện tích 2.000m² cho bà Nguyễn Thị T và bà T sử dụng ổn định vườn cà phê trên cho đến nay.

Ngày 15/01/2007, UBND tỉnh Đăk Lăk ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc thu hồi 48.395,7m² đất của Công ty chế biến nông sản thực phẩm Đăk Lăk (khu đất của Công ty chăn nuôi trước đây) tại phường T, thành phố B để giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật.

Hộ bà Nguyễn Thị T sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị B mà bà B mua thanh lý tài sản bán đấu giá tài sản của Công ty chăn nuôi do Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk tổ chức bán tài sản trên đất (tài sản bán đấu giá của Công ty chăn nuôi Đăk Lăk do phá sản) vào năm 2006. Tài sản bán đấu giá không bao gồm quyền sử dụng đất thì không được bồi thường, hỗ trợ về đất theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

- Về tài sản vật kiến trúc và cây trồng: Căn cứ khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013 tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường. Do đó, tài sản vật kiến trúc và cây trồng tạo lập sau ngày 15/01/2007, UBND tỉnh Đăk Lăk ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc thu hồi 48.395,7m² đất của Công ty chế biến nông sản thực phẩm Đăk Lăk (khu đất của Công ty chăn nuôi trước đây) tại phường T, thành phố B để giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật nên không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ.

- Về hỗ trợ chi phí bàn giao mặt bằng: Bà Nguyễn Thị T sử dụng đất có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị B (việc mua bán sang nhượng không đúng quy định của pháp luật). Bà B chỉ mua thanh lý tài sản trên đất do Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk tổ chức bán đấu giá, tài sản bán đấu giá không bao gồm quyền sử dụng đất. Việc bà T sử dụng đất đã được UBND tỉnh Đăk Lăk thu hồi theo quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 là lấn chiếm đất nhà nước nên không được hỗ trợ chi phí bàn giao mặt bằng. UBND thành phố B đã thực hiện đúng quy trình, đúng với Điều 82, Điều 92 Luật đất đai số 45/QH13 ngày

29/11/2013, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư tổ dân phố 12, phường T (khu chăn nuôi cũ 6,2 ha), thành phố B.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; Huỷ một phần Quyết định số 9805/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (khu chăn nuôi cũ 6,2 đợt 2), đối với phần bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị T; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó bổ sung bồi thường, hỗ trợ loại đất theo hiện trạng đang sử dụng; cây trồng và vật kiến trúc hình thành sau khi có quyết định thu hồi đất, hỗ trợ chi phí bàn giao mặt bằng cho hộ bà Nguyễn Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 28/11/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 9805/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (khu chăn nuôi cũ 6,2ha - đợt 2), trong đó có hộ bà Nguyễn Thị T (Gọi tắt là Quyết định số 9805). Không đồng ý với Quyết định 9805 bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết tuyên hủy một phần Quyết định 9805 và buộc UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật đối với hộ bà T. Như vậy, yêu cầu khởi kiện hủy một phần Quyết định số 9805, buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đối tượng của vụ án hành chính, việc khởi kiện trong hạn luật định. UBND thành phố B ban hành quyết định là đúng thẩm quyền và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân tỉnh Đắk Lắk, theo quy định tại các Điều 30, 32 và 116 Luật tổ tụng Hành chính.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, nhận thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu bồi thường, hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định:

Vườn cà phê diện tích đất 2.017,4m² (theo đo đạc thừa tế là 2.017,4m²) thuộc thửa đất số 02 và 50, tờ bản đồ số 40, vị trí đất tại phường T, thành phố B mà hộ bà Nguyễn Thị T đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do Nhà nước giao cho Công ty Chăn nuôi quản lý (Sau này là Công ty chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu Đắk Lắk). Năm 1998, bà Trần Thị B ký Hợp đồng liên kết trồng cà phê với công ty chăn nuôi Đắk Lắk với diện tích 6.700m², thời hạn 20 năm. Đến năm 2004 Công ty chăn nuôi Đắk Lắk phá sản; các tài sản của Công ty đều bị đưa ra bán đấu giá theo Quyết định số 02/QĐ-BTS ngày 23/01/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Bà B mua trúng đấu giá tài sản là 02 vườn cà phê. Tại quyết định bán đấu giá thể hiện chỉ bán khu nhà làm việc, trại heo, vườn cà phê, mà không bao gồm quyền sử dụng đất. Sau khi trúng đấu giá tài sản các bên đã tiến hành giải quyết bù trừ nghĩa vụ của hợp đồng liên kết trồng cà phê từ năm 1998, đình chỉ hợp đồng trước thời hạn và chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên. Ngày 20/11/2006, bà B chuyển nhượng lại 01 vườn cà phê cho bà Nguyễn Thị T với diện tích 2.000m² và bà T sử dụng ổn định vườn cà phê đó cho đến nay.

Tại khoản 2 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk) quy định:

“Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định Luật Đất đai, không thuộc trường hợp sử dụng đất vượt hạn mức theo Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013 và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất, cụ thể như sau:

a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993: Được hỗ trợ bằng 100% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004: Được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 27/9/2011 (ngày ban hành Chỉ thị số 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ): Được hỗ trợ bằng 50% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

d) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014: Được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

đ) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/7/2014 trở về sau: Không được xem xét hỗ trợ.

e) Thời điểm sử dụng đất để xác định hỗ trợ theo các điểm a, b, c, d, đ khoản này là thời điểm hộ gia đình, cá nhân đầu tiên bắt đầu sử dụng đối với phần diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, sử dụng đất liên tục kể từ thời điểm đó vào mục đích sản xuất nông nghiệp cho đến khi ban hành Thông báo thu hồi đất.”

Căn cứ quy định trên thì thời điểm sử dụng đất của hộ bà T được tính từ năm 1998 và phải được hỗ trợ bằng 80% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định. Quyết định số 9805 không hỗ trợ theo loại đất hiện trạng cho hộ bà T là chưa phù hợp.

[2.2] Đối với bồi thường về cây trồng và công trình trên đất được tạo lập trước khi có Thông báo thu hồi đất: Ngày 15/01/2007, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi đất số 94/QĐ-UBND về việc thu hồi 48.395,7m² đất của Công ty Chăn nuôi, giao UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng. Đến ngày 18/12/2020, UBND thành phố B mới ban hành Thông báo thu hồi đất. Quyết định thu hồi đất không được gửi cho bà T, không được niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi trong suốt thời gian thu hồi đất. Điều này dẫn đến hộ bà T không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất. Quá trình sử dụng đất, hộ bà T cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó các tài sản là cây trồng trên đất mà hộ bà T tạo lập thêm trong thời gian từ năm 2007 (khi có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh) đến khi có Thông báo thu hồi đất (ngày 18/12/2020) đều hợp pháp và được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 88 và khoản 1 Điều 90 Luật Đất đai năm 2013. Việc UBND thành phố B xác định các tài sản này được tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất nên không được bồi thường theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 là không đúng.

[2.3] Đối với yêu cầu hỗ trợ chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng: Hộ bà T đã tự nguyện bàn giao mặt bằng đúng thời hạn nên đủ điều kiện để được xem xét hỗ trợ theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

[2.4] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T, huỷ một phần Quyết định số 9805; buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó bổ sung bồi thường, hỗ trợ loại đất hiện trạng đang sử dụng; bồi thường về cây trồng và vật kiến trúc hình thành sau khi có quyết

định thu hồi đất đến nay, hỗ trợ chi phí bàn giao mặt bằng cho hộ bà T theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

Hủy một phần Quyết định số 9805/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (khu chăn nuôi cũ 6,2ha - đợt 2), đối với phần bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị T.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ loại đất theo hiện trạng đang sử dụng; cây trồng và vật kiến trúc hình thành sau khi có quyết định thu hồi đất, hỗ trợ chi phí bàn giao mặt bằng cho hộ bà Nguyễn Thị T theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004097 ngày 02/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do bà H nộp thay).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền